

VIS

30T AN TOÀN LA TH



CATALOGUE THÉP VIỆT THÀNH

www.thepvietthanh.vn



CONTACT: 090 388 1255 - 090 366 0331 - 090 388 6276



MỤC LỤC | CONTENTS

TỔNG QUAN CÔNG TY (Company's Overview)	02
DÂY CHUYỀN CÁN NGUỘI (Cold Rolling Mills)	04
DÂY CHUYỀN MẠ KẼM/ MẠ LẠNH (Continuous Galvanized/Galvalume Line)	05
THÉP ỐNG VUÔNG (Square Steel Pipes)	07
THÉP CHỮ NHẬT (Rectangular Steel Pipes)	09
THÉP ỐNG TRÒN (Round Steel Pipes)	11
THÉP ỐNG OVAL (Oval Steel Pipes)	13
THÉP V MẠ KẼM (V Steel Bar)	15
XÀ GỖ (Purlin Steel)	17
TÔN MẠ KẼM (Zinc Coated Galvanized Steel Sheets)	19
TÔN MẠ HỢP KIM NHÔM-KẼM (Aluminum-Zinc Alloy (Galvalume) Steel)	21
HÀNG XUẤT KHẨU (Exports)	23
HỒ SƠ CHỨNG NHẬN (Certificate Document)	24
HỆ THỐNG PHÂN PHỐI & HỆ THỐNG CÔNG TY (Distribution System) & (Company's System)	25



TỔNG QUAN CÔNG TY

COMPANY'S OVERVIEW



CÔNG TY CP THÉP VIỆT THÀNH

VIET THANH STEEL JOINT STOCK COMPANY

Công ty Thép Việt Thành Long An được thành lập vào tháng 07 năm 2004. Việt Thành đã từng bước xây dựng uy tín với danh mục sản phẩm ngày càng đa dạng. Hiện nay công ty có nhà máy sản xuất tiên tiến với tổng quy mô trên 240,000 m² ở Long An."

Viet Thanh Steel Company in Long An was established in July 2004. Viet Thanh has gradually built its reputation with an increasingly diverse product portfolio. Currently, the company has a modern manufacturing facilities with a total area of 240,000 square meters in Long An.



TỔNG QUAN CÔNG TY

COMPANY'S OVERVIEW

Thép Việt Thành sở hữu nhà máy sản xuất tiên tiến được đồng bộ hệ thống dây chuyền và máy móc nhập khẩu giúp công suất hoạt động của nhà máy cán nguội đạt 40.000 tấn/tháng, công suất mạ kẽm trên 30.000 tấn/tháng và công suất sản xuất thép hình hơn 10.000 tấn/tháng. Sản phẩm công ty Thép Việt Thành được phân phối trên toàn quốc và xuất khẩu sang các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Với sứ mệnh mang lại sản phẩm có chất lượng tốt nhất đến khách hàng, tất cả sản phẩm của công ty đều đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế (ASTM và JIS); và được kiểm nghiệm bởi Cục Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng tại Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 3.

Viet Thanh Steel owns a cutting-edge manufacturing facility with synchronized imported production lines and machinery, enabling the cold rolling mills capacity to reach 40,000 tons per month, the galvanizing steel capacity to exceed 30,000 tons per month, and the production capacity of structural steel to surpass 10,000 tons per month. The products of Viet Thanh Steel are distributed nationwide and exported to Southeast Asia countries.

With the mission of delivering the highest quality products to customers, all products of the company meet international quality standards (ASTM and JIS) and have been certified by the Department of Standards, Metrology and Quality at the Quality Assurance and Testing Center 3 (Quatest 3).

SẢN PHẨM TIÊU BIỂU CỦA THÉP VIỆT THÀNH

Viet Thanh representative steel product



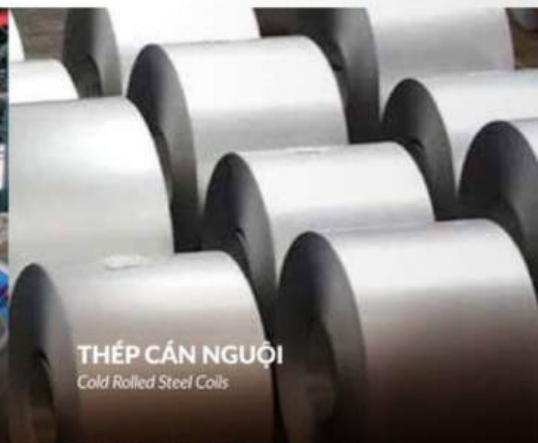
**THÉP ỐNG ĐEN:
VUÔNG, TRÒN VÀ HỘP**

Hot Rolled and Cold Rolled Pipe: square, round, rectangular, and oval



THÉP ỐNG MẠ KẼM

Zinc-coated Galvanized Steel



THÉP CÁN NGUỘI

Cold Rolled Steel Coils



**TÔN MẠ HỢP KIM
NHÔM-KẼM**

Aluminum Zinc Alloy (Galvalume) Steel



THÉP CUỘN MẠ KẼM

Zinc-coated Galvanized Coil Steel



TÔN MẠ KẼM

Zinc-coated Galvanized Sheet Steel

DÂY CHUYỀN CÁN NGUỘI

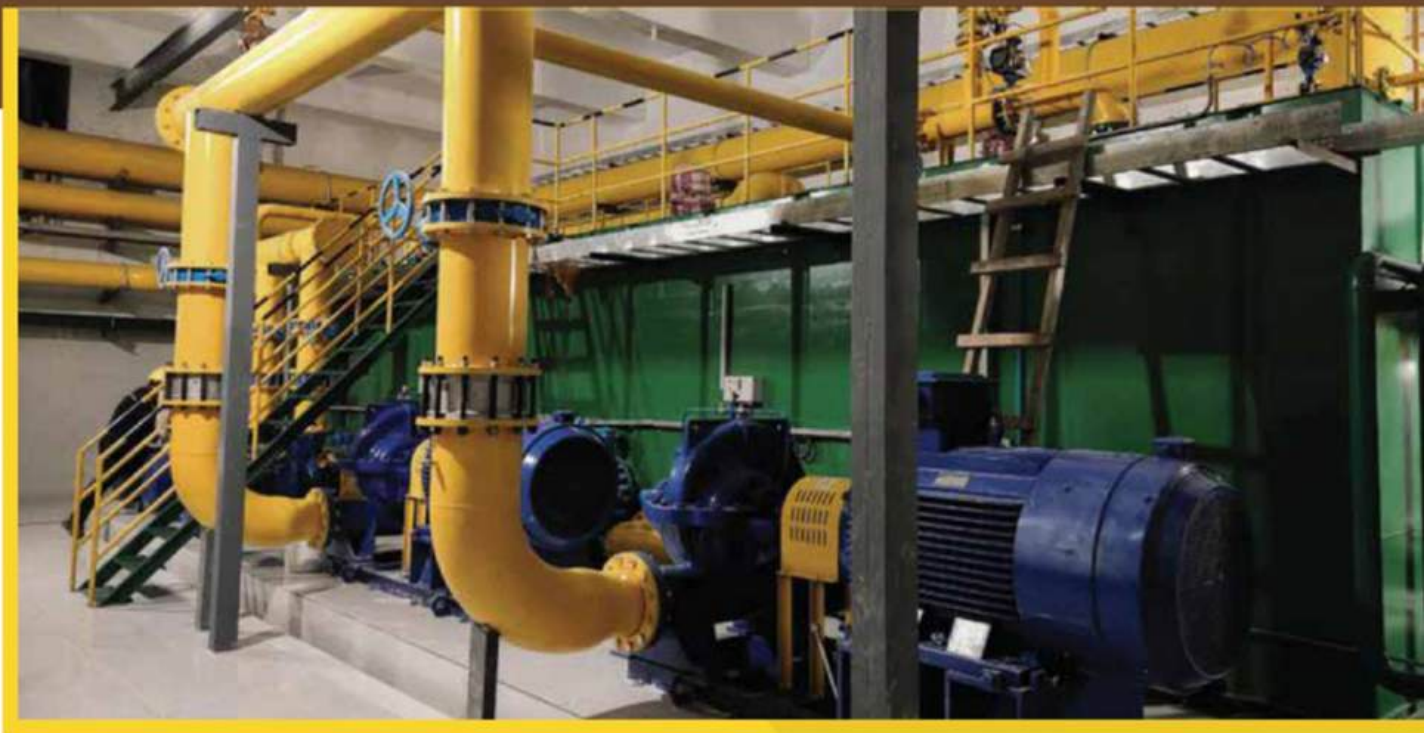
COLD ROLLING MILLS

Thép Việt Thành sở hữu máy cán nguội 6 trục tiên tiến giúp tăng gấp đôi hiệu suất và chất lượng sản phẩm. Việc tích hợp công nghệ cán nguội, hệ thống ổn định, cùng với các công nghệ độc quyền như máy cuốn căng vòng quay và thiết bị thay cuộn tốc độ cao, giúp Thép Việt Thành trở thành biểu tượng nhà máy cán nguội hiện đại. Quy trình tự động hoá được áp dụng trong dây chuyền cán nguội tân tiến giúp công ty tính toán ra độ phẳng lý tưởng của dải thép ở tốc độ cao và chế biến thép có độ cứng tốt nhằm đáp ứng các nhu cầu đa dạng của thị trường.

Viet Thanh Steel owns a cold rolling mills with 6- HI reversing mills that doubles the production capacity and increases quality. The incorporation of cold rolling technology with stability systems, along with proprietary developments like the mandrel rotary tension reel and rapid roll change equipment, have established Viet Thanh as a hallmark of advanced cold rolling mills. Moreover, the modern automation process implemented in the cold rolling production line enables the company to calculate the ideal flatness of steel strips at high velocities and processes high-tensile steels to meet the diverse market demands.

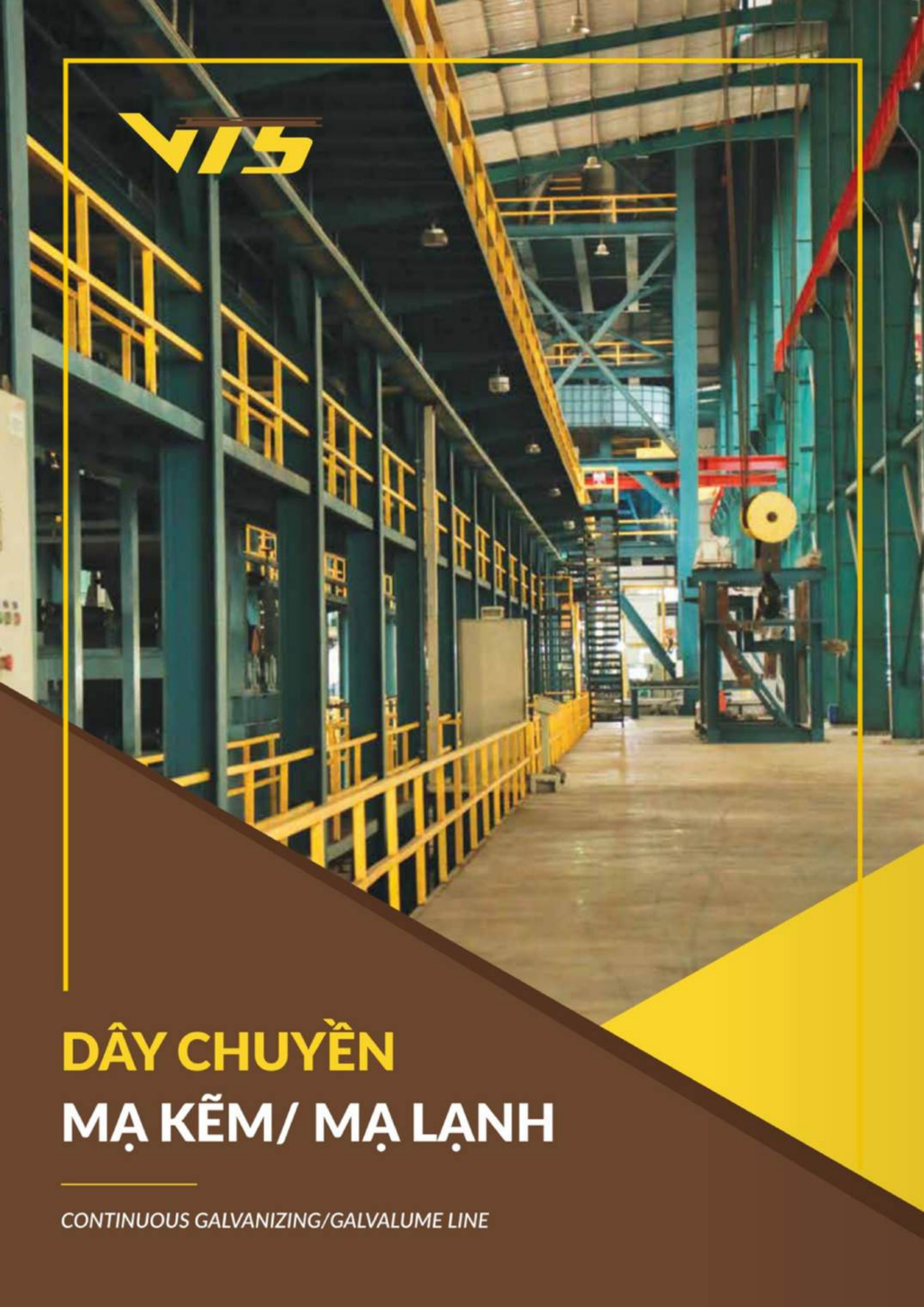
Công Suất Cán Ngươi: 400,000 tấn/năm

Cold Rolling Mills Capacity: 400/tons/year



Độ Dày Thép (Thickness of cold rolled steel): 0.15mm-3.0mm

Tốc Độ Cán (Rolling speed): 1.400 mét/phút



VIS

DÂY CHUYỀN MẠ KẼM/ MẠ LẠNH

CONTINUOUS GALVANIZING/GALVALUME LINE

DÂY CHUYỀN MẠ KẼM/ MẠ LẠNH

CONTINUOUS GALVANIZING/GALVALUME LINE

Thép Việt Thành tự hào giới thiệu công nghệ cao cấp với Dây chuyền Mạ Kẽm/Mạ Lạnh liên tục, cùng với công nghệ NOF. Cụ thể, dây chuyền mạ lò cho phép làm nóng đồng đều ở cả hai mặt tấm thép, tạo ra các sản phẩm có độ phẳng xuất sắc và bề mặt phủ mịn đồng nhất. Công nghệ tiên tiến này hỗ trợ chúng tôi cung cấp các lớp mạ kẽm và mạ lạnh chất lượng cao, được tùy chỉnh để đáp ứng các yêu cầu cụ thể của khách hàng với độ chính xác và hiệu quả. Với cam kết không ngừng đổi mới, chúng tôi cam đoan khách hàng sẽ nhận được các sản phẩm xuất sắc phù hợp và để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng trong xây dựng, sản xuất và nhiều lĩnh vực khác.



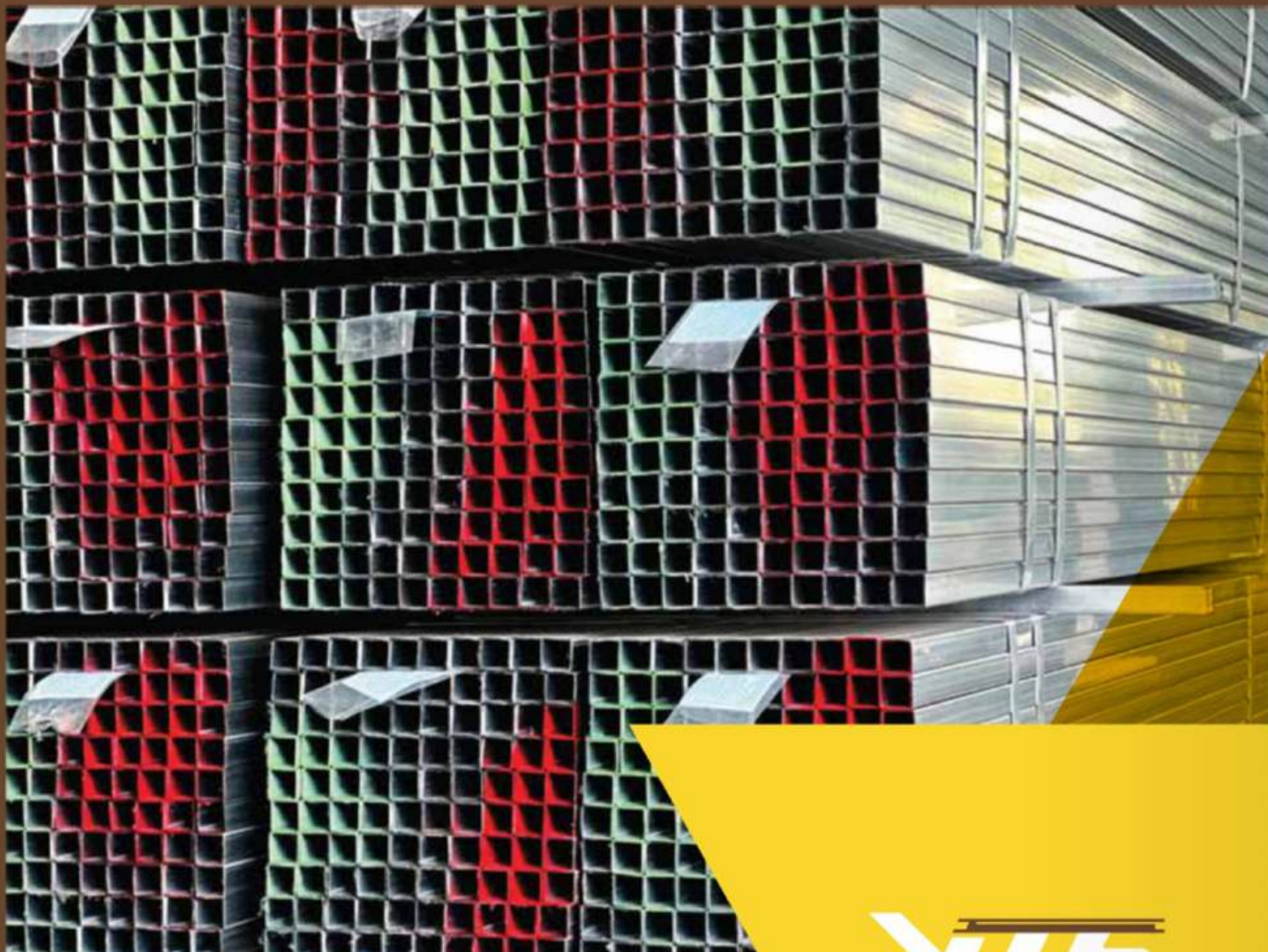
Viet Thanh Steel takes pride in introducing the latest high-end technology with our Continuous Galvanized/Galvalume Line, augmented with NOF technology. Specifically, the furnace enables uniform heating on both sides of the steel sheet, yielding products with exceptional flatness and a consistently smooth coating surface. This machinery enables us to deliver premium galvanized and galvalume coatings tailored to meet our customers' specific requirements with precision and efficiency. With our unwavering commitment to innovation, we guarantee that our clients will receive superior products to fulfill their diverse needs across construction, manufacturing, and beyond.



Công Suất Mạ: 300,000 tấn/năm
Galvanizing Capacity: 300,000 tons/year

Độ Dày Tôn Mạ: 0.18mm-3.5mm
(Thickness Range)

Lớp Mạ Hợp Kim: AZ200 Tôn Lạnh (GL)
(Coating Mass) Z600 Tôn Kẽm (GI)



THÉP ỐNG VUÔNG

SQUARE STEEL PIPES

Tiêu chuẩn chất lượng: ASTM, AS, BS, JIS

Quality standards: ASTM, AS, BS, JIS

Bề mặt: Đen, mạ kẽm, cán nguội, phủ sơn

Surface: Black, galvanized, cold rolled, coated with paint

Ngoài thông số kỹ thuật thương mại tiêu chuẩn, Thép Việt Thành còn sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng của khách hàng.

In addition to standard commercial technical specifications, Viet Thanh Steel also manufactures products according to customer orders.

ƯU ĐIỂM | ADVANTAGES

- Tính toàn vẹn cấu trúc cao do hình dạng vuông, giúp tăng cường khả năng chịu tải.
High structural integrity due to their square shape, enhancing load-bearing capacity.
- Khả năng chống uốn và xoắn tuyệt vời, đảm bảo sự ổn định cấu trúc lâu dài.
Excellent resistance to bending and torsion, ensuring long-term structural stability.
- Lớp hợp kim bảo vệ bề mặt chống ăn mòn và chống chịu thời tiết khắc nghiệt.
Premium alloy layer protects the surface from corrosion and withstands harsh weather conditions.

ỨNG DỤNG | APPLICATIONS

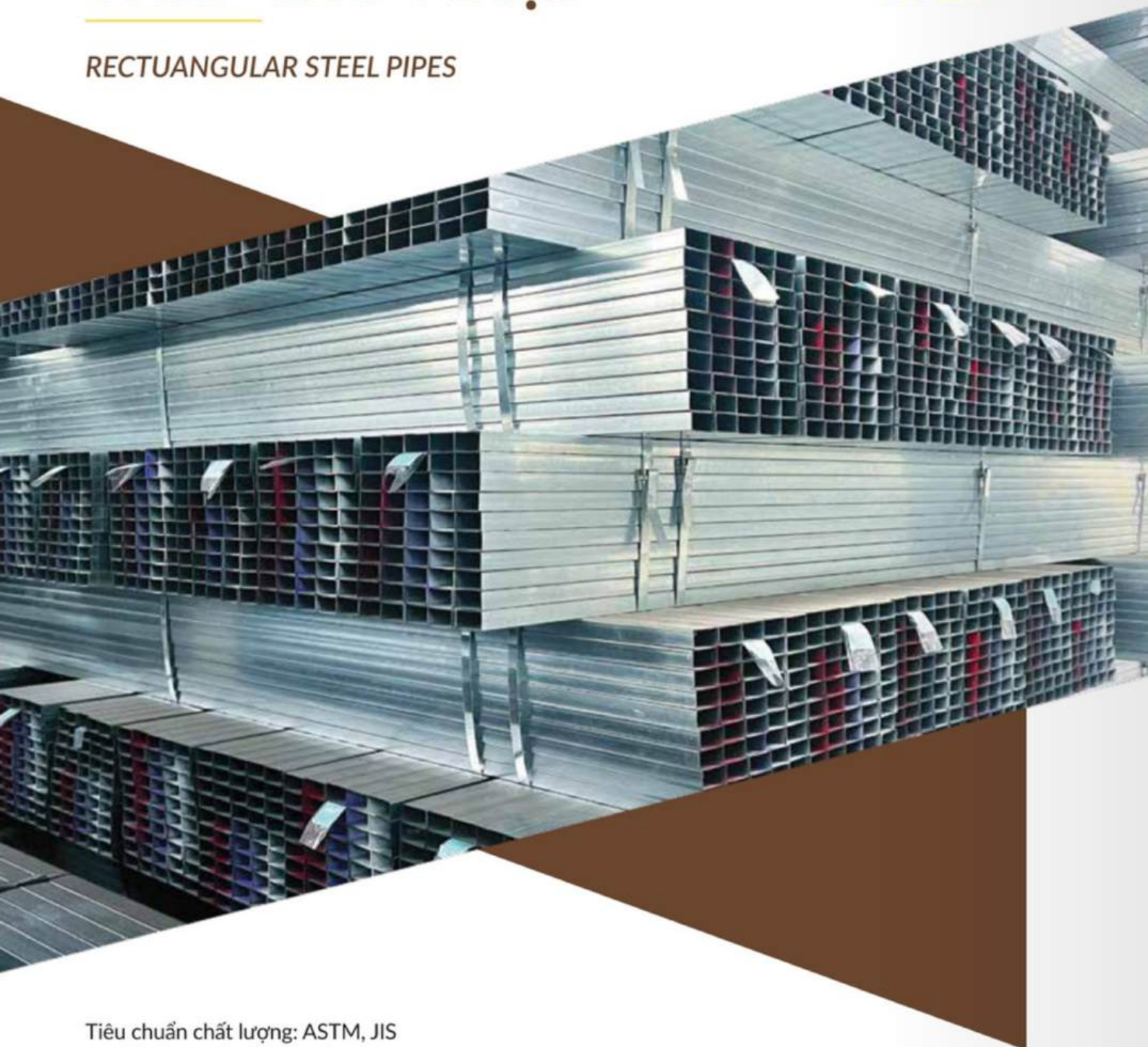
- Được sử dụng rộng rãi trong xây dựng để hỗ trợ kết cấu, khung và chi tiết kiến trúc.
Widely used in construction to support structures, frameworks, and architectural details.
- Lý tưởng cho các ứng dụng yêu cầu góc vuông và đường thẳng chính xác, chẳng hạn như xây dựng cột, khung và gia dụng.
Ideal for applications requiring precise right angles and straight lines, such as building columns, frames, and household appliances.
- Thường được sử dụng trong các dự án cơ sở hạ tầng, bao gồm cầu, lối đi và các cơ sở công nghiệp.
Commonly used in infrastructure projects, including bridges, walkways, and industrial facilities.

KÍCH THƯỚC (mm)/Size (mm)	SỐ CÂY/ BỐ (Quantity)	Độ Dày Thành Ống/Thickness (mm)					Đơn Vị Tính/Unit Weight (kg/cây)				
		0.78	0.88	0.98	1.05	1.1	1.2	1.4	1.7	1.8	2.0
12X12	100	1.49	1.69	1.90	2.11	2.18	2.34				
14X14	100	1.74	1.99	2.23	2.47	2.52	2.74	3.15			
16X16	100	2.03	2.31	2.60	2.88	2.93	3.19	3.67			
20X20	100	2.47	2.82	3.12	3.50	3.57	3.88	4.46			
25X25	100	3.22	3.67	4.07	4.56	4.65	5.05	5.81			
30X30	100	3.90	4.44	4.93	5.52	5.63	6.12	7.00	8.67	9.20	
40X40	50		5.98	6.64	7.44	7.59	8.24	9.49	11.6	12.4	14.6
50X50	50			8.35	9.36	9.55	10.38	11.9	14.7	15.62	17.9
60X60	36					11.51		14.4			
75X75	25			12.64	14.17	14.45	15.80	18.00	22.23	23.62	27.78
90X90	20							21.5	26.53	28.2	33.15
100X100	16							24.12	29.7	31.55	37.11

THÉP CHỮ NHẬT



RECTANGULAR STEEL PIPES



Tiêu chuẩn chất lượng: ASTM, JIS

Quality Standards: ASTM, JIS

Bề mặt: Đen, mạ kẽm, cán nguội, phủ sơn

Surface: Black, galvanized, cold rolled, coated with paint

Ngoài thông số kỹ thuật thương mại tiêu chuẩn, Thép Việt Thành còn sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng của khách hàng.

In addition to standard commercial technical specifications, Viet Thanh Steel also manufactures products according to customer orders.

ƯU ĐIỂM | ADVANTAGES

- Cấu trúc hình chữ nhật giúp tăng cường khả năng chịu tải, đảm bảo tính toàn vẹn cấu trúc cao.
High structural integrity due to their rectangular shape, providing enhanced load-bearing capacity.
- Khả năng chống uốn cong và xoắn tốt, đảm bảo ổn định cấu trúc lâu dài.
Excellent resistance to bending and torsion, ensuring long-term structural stability.
- Lớp hợp kim cao cấp bảo vệ bề mặt khỏi ăn mòn và chịu được điều kiện thời tiết khắc nghiệt.
Premium alloy layer protects the surface from corrosion and withstands harsh weather conditions.

ỨNG DỤNG | APPLICATIONS

- Thường được sử dụng trong xây dựng để hỗ trợ cấu trúc, khung và chi tiết kiến trúc.
Widely used in construction to support structures, frameworks, and architectural details.
- Lý tưởng cho các ứng dụng đòi hỏi góc vuông và đường thẳng chính xác, như cột xây dựng, khung và các thiết bị gia dụng.
Ideal for applications requiring precise right angles and straight lines, such as building columns, frames, and household appliances.
- Thường được sử dụng trong dầm mái, khung tủ và các cơ sở công nghiệp.
Commonly employed in roof beams, cabinet frame and industrial facilities.

KÍCH THƯỚC (mm)/Size (mm)	SỐ CÂY/ BỐ (Quantity)	Độ Dày Thành Ống/Thickness (mm)					Đơn Vị Tính/Unit Weight (kg/cây)				
		0.78	0.88	0.98	1.05	1.1	1.2	1.4	1.7	1.8	2.0
10X20	50	1.93	2.20	2.44	2.73	2.79	3.03				
10X30	50		2.93	3.25		3.72	4.04				
13X26	50	2.47	2.82	3.12	3.50	3.57	3.88	4.46			
20X40	50	3.90	4.44	4.93	5.52	5.63	6.12	7.00	8.67	9.20	
25X50	50	4.92	5.60	6.21	6.96	7.10	7.71	8.95	10.93		
30X60	50	5.93	6.75	7.50	8.40	8.57	9.39	10.71	13.2	14.1	16.1
30X90	50				11.28	11.51	12.5	14.4			
40X80	20-50	8.0	9.09	10.08	11.28	11.51	12.5	14.4	17.7	18.82	22.13
50X100	20			12.64	14.17	14.45	15.8	18.0	22.23	23.62	27.78
60X120	20							21.5	26.53	28.2	33.15



THÉP ỐNG TRÒN

ROUND STEEL PIPES

Tiêu chuẩn chất lượng: ASTM, AS, BS, JIS

Quality Standards: ASTM, AS, BS, JIS

Bề mặt: Đen, mạ kẽm nóng, cán nguội, phủ sơn

Surface: Black, hot-dip galvanized, cold rolled, coated with paint

Ngoài thông số kỹ thuật thương mại tiêu chuẩn, Thép Việt Thành còn sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng của khách hàng.

In addition to standard commercial technical specifications, Viet Thanh Steel also manufactures products according to customer orders.

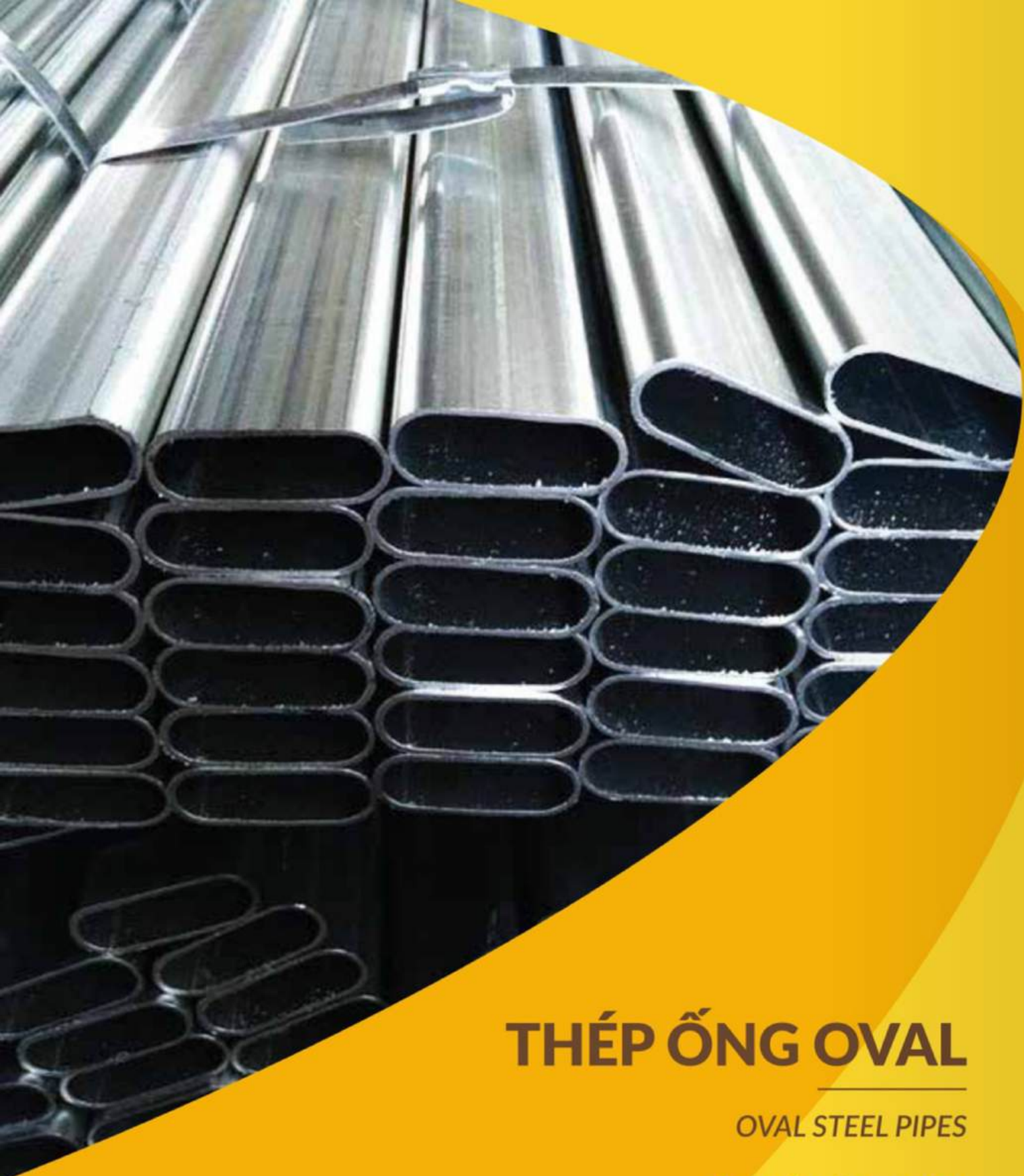
ƯU ĐIỂM | ADVANTAGES

- Thành phần cấu trúc đa năng phù hợp cho nhiều ứng dụng khác nhau.
Versatile structural component suitable for a wide range of applications.
- Tỷ lệ cường độ trên trọng lượng tốt, cung cấp khả năng chịu tải hiệu quả.
Excellent strength-to-weight ratio, providing efficient load-bearing capacity.
- Bền, chống uốn cong và biến dạng dưới áp lực.
Durable, resistant to bending and deformation under pressure.
- Có nhiều phương pháp xử lý bề mặt khác nhau để tăng cường khả năng chống ăn mòn và tính thẩm mỹ.
Various surface treatments available to enhance corrosion resistance and visual appeal.

ỨNG DỤNG | APPLICATIONS

- Thường được sử dụng trong xây dựng nhằm hỗ trợ cấu trúc, hệ thống ống nước và thoát nước.
Commonly used in construction for structural support, plumbing, and drainage systems.
- Được sử dụng rộng rãi trong các dự án cơ sở hạ tầng và nội thất như giường, bàn, vv.
Widely employed in infrastructure projects and furniture such as bed, table etc.
- Được sử dụng trong quá trình sản xuất để gia công thành phần và lắp ráp.
Utilized in manufacturing processes for fabricating components and assemblies.

ĐK NGOÀI/ Outside diameter (mm)	SỐ CÂY/ BÓ (Quantity)	Độ Dành Thành Ống/Thickness (mm)					Đơn Vị Tính/Unit Weight (kg/cây)				
		0.78	0.88	0.98	1.05	1.1	1.2	1.4	1.7	1.8	2.0
Ø 15.9	91	1.66	1.87	2.10	2.30	2.35					
Ø 19.1	91	2.00	2.24	2.55	2.78	2.84					
Ø 21	127	2.17	2.47	2.70	3.02	3.08	3.35	3.79	4.67	4.96	5.84
Ø 25.4	37			3.38		3.82					
Ø 27	61		3.20	3.51	3.93	4.00	4.36	5.00	6.10	6.48	7.63
Ø 34	61		4.01	4.41	4.94	5.04	5.48	6.24	7.69	8.40	9.52
Ø 42	61		5.02	5.53	6.19	6.31	6.86	7.89	9.65	10.25	12.00
Ø 49	37			6.43	7.15	7.34	7.98	9.18	11.15	11.85	14.00
Ø 60	37			7.88	8.83	9.01	9.79	11.27	13.71	14.57	17.14
Ø 76	37	8.0	9.09	10.08	11.28	11.51	12.50	14.40	17.70	18.82	22.13
Ø 90	19							17.00	20.95	22.26	26.10
Ø 114	19							21.50	26.53	28.20	33.15



THÉP ỐNG OVAL

OVAL STEEL PIPES

Tiêu chuẩn chất lượng: ASTM
Quality Standards: ASTM

Bề mặt: Đen, cán nguội và trước mạ kẽm
Surface: Black, cold rolled and pre-galvanized

Ngoài các thông số kỹ thuật thương mại tiêu chuẩn, Viet Thanh Steel cũng sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng của khách hàng.

In addition to standard commercial technical specifications, Viet Thanh Steel also manufactures products according to customer orders.

ƯU ĐIỂM | ADVANTAGES

- Hình dạng oval tăng cường tính toàn vẹn cấu trúc, cung cấp khả năng chịu tải hiệu quả.
Oval shape enhances structural integrity, providing efficient load-bearing capacity.
- Chống uốn cong và xoắn tốt đặc biệt đảm bảo ổn định cấu trúc lâu dài.
Exceptional resistance to bending and torsion ensures long-term structural stability.
- Được thiết kế cho các ứng dụng chuyên biệt trong các dự án xây dựng đòi hỏi tính thẩm mỹ cao.
Tailored for specialized applications in construction projects that demand high aesthetic appeal.

ỨNG DỤNG | APPLICATIONS

- Thường được sử dụng rộng rãi trong xây dựng để hỗ trợ cấu trúc, khung và các yếu tố kiến trúc.
Widely utilized in construction for supporting structures, frameworks, and architectural elements.
- Lý tưởng cho các ứng dụng đòi hỏi hình dạng độc đáo với các góc và đường cong chính xác, như các sản phẩm trang trí và lan can.
Ideal for applications requiring unique shapes with precise angles and curves, such as decorative elements and handrails.
- Thường được sử dụng trong các ngành công nghiệp khác nhau bao gồm ô tô, nội thất và bộ lắp có yêu cầu về hình dạng đặc biệt.
Commonly employed in various industries including automotive, and furniture components and assemblies requiring specialized profiles.

ĐK NGOÀI/ Outside diameter (mm)	Độ Dành Thành Ống/Thickness (mm)								Đơn Vị Tính/Unit Weight (kg/cây)								
	1.40	1.50	1.60	1.70	1.75	1.80	1.95	2.00	2.30	2.50	2.70	2.80	3.00	3.20	3.50	3.80	4.00
10X20	0.55	0.59	0.63	0.66	0.68	0.70	0.76	0.78									
12X24	0.66	0.71	0.75	0.80	0.82	0.85	0.91	0.94									
15X30	0.83	0.89	0.95	1.01	1.04	1.06	1.15	1.18	1.35	1.46	1.58	1.63	1.75				
16X75	1.83	1.96	2.09	2.22	2.29	2.35	2.55	2.61	3.00	3.25	3.51	3.64	3.89	4.15	4.53	4.91	5.16
20X40	1.11	1.19	1.27	1.35	1.39	1.43	1.54	1.58	1.82	1.97	2.12	2.20	2.35	2.50	2.50	2.95	3.10
20X50	1.33	1.43	1.52	1.62	1.66	1.71	1.85	1.90	2.18	2.36	2.55	2.64	2.82	3.01	3.01	3.55	3.73
25X50	1.40	1.50	1.59	1.69	1.74	1.79	1.94	1.99	2.28	2.47	2.67	2.76	2.96	3.15	3.15	3.72	3.91
30X60	1.68	1.80	1.92	2.04	2.09	2.15	2.33	2.39	2.74	2.98	3.21	3.33	3.56	3.79	3.79	4.49	4.72
40X80	2.24	2.40	2.56	2.72	2.80	2.88	3.12	3.20	3.67	3.99	4.30	4.46	4.77	5.09	5.09	6.02	6.33
42X115	3.04	3.26	3.47	3.69	3.79	3.90	4.22	4.33	4.98	5.41	5.83	6.05	6.48	6.90	6.90	8.18	8.60
50X100	2.81	3.01	3.21	3.41	3.51	3.61	3.91	4.00	4.60	5.00	5.39	5.59	5.98	6.38	6.38	7.56	7.95



THÉP V MẠ KẼM

V STEEL BAR

Tiêu chuẩn chất lượng: JIS và TCVN
Quality Standards: JIS and TCVN

Ngoài các thông số kỹ thuật thương mại tiêu chuẩn, Viet Thanh Steel cũng sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng của khách hàng.

In addition to standard commercial technical specifications, Viet Thanh Steel also manufactures products according to customer orders.

ƯU ĐIỂM | ADVANTAGES



- Thiết kế thanh thép V tăng cường tính ổn định cấu trúc.

V-steel bar design enhances structural stability.

- Đa dạng về hình thái (mạ kẽm) và quy cách (nhiều kích thước) nên được sử dụng rộng rãi.

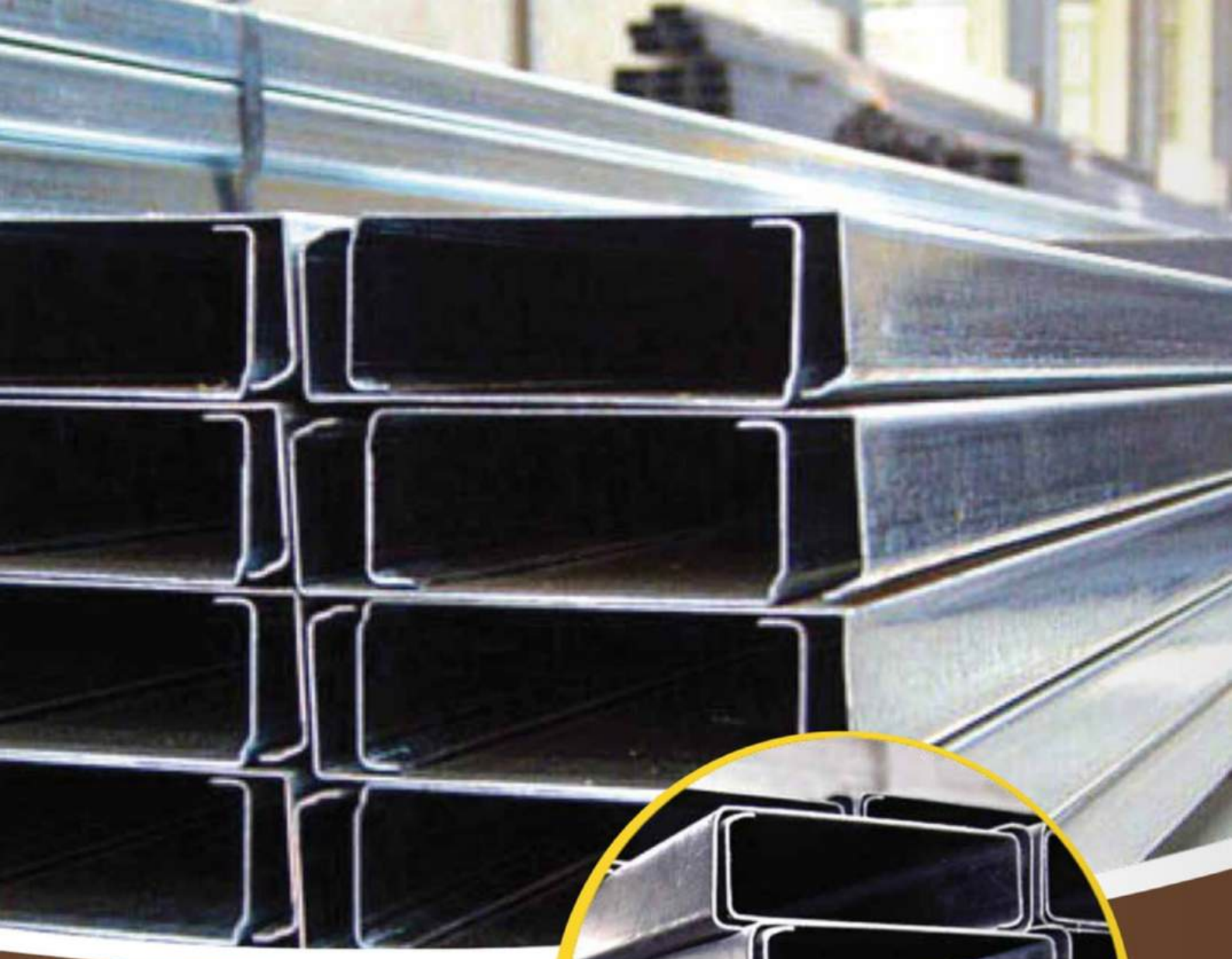
Its extensive variety in forms (galvanized) and specifications (numerous sizes) make it widely employed.

ỨNG DỤNG | APPLICATIONS

- Các ống thép V được sử dụng trong nhiều lĩnh vực như kỹ thuật cơ khí, sản xuất máy móc, nhà máy tiền chế; và trong xây dựng dân dụng cho nhà ở, cao tầng và kết cấu khung.

V-steel pipes are utilized across various aspects such as, mechanical engineering, construction work, machinery manufacturing, prefabricated workshops; and in residential construction for homes, high-rise buildings and structural frameworks.

Mô tả quy cách sản phẩm/ Product Specification	Độ dày/ Thickness (mm)	Trọng lượng/ Unit Weight (kg/cây)
V 25 X 25	2.4	5.1
V 25 X 25	2.4	5.2
V 30 X 30	1.95	5.0
V 30 X 30	1.95	5.2
V 30 X 30	2.35	6.0
V 30 X 30	2.35	6.1
V 30 X 30	2.45	6.3
V 30 X 30	2.45	6.5
V 40 X 40	2.35	8.2
V 40 X 40	2.35	8.3
V 40 X 40	2.45	8.5
V 40 X 40	2.45	8.5
V 40 X 40	3.0	10.3
V 40 X 40	3.0	10.5
V 40 X 40	3.3	11.3
V 40 X 40	3.3	11.5
V 50 X 50	3.0	13.2
V 50 X 50	3.0	13.5



XÀ GỖ

PURLIN STEEL

Tiêu chuẩn chất lượng: JIS
Quality Standards: JIS

Bề mặt: Đen, mạ kẽm, cán nguội.
Surface: Black, galvanized, cold rolled.

Ngoài thông số kỹ thuật thương mại tiêu chuẩn, Thép Việt Thành còn sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng của khách hàng.

In addition to standard commercial technical specifications, Viet Thanh Steel also manufactures products according to customer orders.

ƯU ĐIỂM | ADVANTAGES

- Thép xà gồ cung cấp sự hỗ trợ cấu trúc tuyệt vời, nâng cao tính ổn định và sức mạnh của hệ thống mái và khung kết cấu.

Purlin steel offers excellent structural support, enhancing the stability and strength of roofing systems and structural frameworks.

- Cung cấp khả năng chịu tải hiệu quả, phân phối trọng lượng đều và giảm áp lực lên cấu trúc của tòa nhà.
- Provides efficient load-bearing capacity, distributing weight evenly and reducing pressure on the building's structure.*

ỨNG DỤNG | APPLICATIONS

- Lý tưởng cho lắp đặt dầm mái hoặc dầm đỡ, cung cấp sự hỗ trợ bổ sung cho vật liệu mái và cách nhiệt.
- Ideal for roof trusses or rafters usage, providing additional support for roofing materials and insulation.*

ĐK NGOÀI/ Outside diameter (mm)	Độ Dành Thành Ống/Thickness (mm)																Đơn Vị Tính/Unit Weight (kg/m)													
	1.00	1.05	1.10	1.15	1.20	1.25	1.30	1.35	1.40	1.45	1.50	1.60	1.65	1.70	1.75	1.80	1.95	2.00	2.30	2.50	2.70	2.80	3.00	3.20						
75X40X12	1.25	1.31	1.37	1.44	1.5	1.55	1.61	1.67	1.74	1.8	1.86	1.97	2.03	2.10	2.16	2.22	2.40	2.46	2.82	3.06	3.29	3.41	3.65	3.89						
75X45X12	1.33	1.39	1.46	1.53	1.59	1.65	1.71	1.78	1.85	1.91	1.98	2.10	2.16	2.23	2.29	2.36	2.56	2.62	3.00	3.26	3.50	3.63	3.89	4.14						
80X40X12	1.29	1.35	1.42	1.48	1.54	1.6	1.66	1.73	1.79	1.86	1.92	2.03	2.10	2.16	2.23	2.29	2.48	2.54	2.91	3.16	3.39	3.52	3.77	4.02						
100X45X15	1.57	1.65	1.73	1.81	1.88	1.95	2.03	2.11	2.19	2.27	2.34	2.49	2.56	2.64	2.72	2.80	3.03	3.11	3.56	3.87	4.15	4.31	4.62	4.92						
100X50X15	1.65	1.73	1.81	1.9	1.98	2.05	2.13	2.21	2.3	2.38	2.46	2.61	2.69	2.78	2.86	2.94	3.18	3.27	3.74	4.06	4.37	4.53	4.85	5.17						
120X45X15	1.73	1.81	1.9	1.99	2.07	2.15	2.23	2.32	2.41	2.49	2.58	2.74	2.82	2.91	2.99	3.08	3.34	3.42	3.92	4.26	4.58	4.75	5.09	5.43						
120X50X15	1.81	1.90	1.99	2.08	2.17	2.25	2.34	2.43	2.52	2.61	2.70	2.86	2.95	3.04	3.13	3.22	3.49	3.58	4.10	4.45	4.79	4.97	5.32	5.68						
125X45X15					2.12	2.2	2.29	2.37	2.46	2.55	2.64	2.80	2.89	2.98	3.06	3.15	3.41	3.50	4.01	4.36	4.68	4.86	5.20	5.55						
125X50X15					2.21	2.3	2.39	2.48	2.57	2.66	2.76	2.93	3.02	3.11	3.20	3.29	3.57	3.66	4.19	4.55	4.90	5.08	5.44	5.80						
150X45X16					2.37	2.46	2.56	2.66	2.76	2.86	2.96	3.14	3.24	3.34	3.43	3.53	3.83	3.93	4.50	4.89	5.26	5.45	5.84	6.23						
150X50X16					2.47	2.56	2.66	2.77	2.87	2.97	3.07	3.27	3.37	3.47	3.57	3.67	3.98	4.08	4.68	5.08	5.47	5.67	6.08	6.48						
150X65X16					2.75	2.86	2.97	3.08	3.2	3.31	3.43	3.64	3.76	3.87	3.98	4.10	4.44	4.55	5.22	5.67	6.10	6.33	6.78	7.23						
175X45X16					2.61	2.71	2.82	2.92	3.03	3.14	3.25	3.45	3.56	3.67	3.78	3.89	4.21	4.32	4.95	5.38	5.79	6.00	6.43	6.86						
175X50X16					2.7	2.81	2.92	3.03	3.14	3.26	3.37	3.58	3.69	3.80	3.92	4.03	4.36	4.47	5.13	5.57	6.00	6.22	6.66	7.11						
175X65X16					2.99	3.1	3.22	3.35	3.47	3.6	3.72	3.96	4.08	4.20	4.33	4.45	4.82	4.95	5.67	6.16	6.63	6.88	7.37	7.86						
200X45X16					2.84	2.95	3.07	3.19	3.31	3.43	3.54	3.77	3.89	4.00	4.12	4.24	4.59	4.71	5.40	5.87	6.32	6.55	7.02	7.49						
200X50X16					2.94	3.05	3.17	3.3	3.42	3.54	3.66	3.89	4.02	4.14	4.26	4.38	4.75	4.87	5.58	6.06	6.53	6.77	7.25	7.74						
200X65X16					3.22	3.35	3.48	3.61	3.75	3.88	4.02	4.27	4.40	4.54	4.67	4.80	5.20	5.34	6.12	6.65	7.16	7.43	7.96	8.49						
200X75X16					3.41	3.54	3.68	3.83	3.97	4.11	4.25	4.52	4.66	4.80	4.95	5.09	5.51	5.65	6.48	7.05	7.59	7.87	8.43	8.99						

TÔN MẠ KẼM

ZINC COATED GALVIZED STEEL SHEETS

GI Z80-Z600

Tiêu chuẩn chất lượng: JIS và ASTM
Quality standards: JIS and ASTM

Ngoài thông số kỹ thuật thương mại tiêu chuẩn, Thép Việt Thành còn sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng của khách hàng.

In addition to standard commercial specifications, Viet Thanh Steel also produces products according to customer orders.



Tôn Mạ Kẽm được sản xuất trên các dây chuyền công nghệ hiện đại NOF và tuân thủ các tiêu chuẩn nghiêm ngặt như JIS G3302 (Nhật Bản) và ASTM A653 (Mỹ). Sử dụng lớp mạ kẽm nguyên chất (99%) trên bề mặt, thông qua công nghệ nhúng nóng liên tục, tạo ra một lớp phủ chống ăn mòn vượt trội.

Galvanized Zinc-Coated Steel Sheets are manufactured on modern NOF technology lines and adhere to stringent standards such as JIS G3302 (Japan) and ASTM A653 (USA). Utilizing a layer of pure zinc coating (99%) on the surface, through continuous hot-dip galvanizing, it creates an outstanding corrosion-resistant coating.



Trong quá trình mạ nóng, lớp phủ kẽm hoàn toàn kết dính với thép, tạo nên một lớp bảo vệ không thể tách rời giữa thép và lớp mạ kẽm. Điều này mang lại cho tấm thép không chỉ một lớp bề mặt thép bên trong, tạo ra độ dày của tấm, mà còn có một lớp phủ kẽm đặc biệt, bảo vệ toàn diện thép khỏi sự ảnh hưởng của yếu tố bên ngoài và khí quyển.

During the hot-dip process, the zinc coating fully adheres to the steel, creating an inseparable protective layer between the steel and the zinc coating. This provides not only an inner steel layer, determining the thickness of the sheet, but also a special zinc coating layer, comprehensively protecting the steel from external factors and atmospheric conditions.



ƯU ĐIỂM | ADVANTAGES

- Cho phép sử dụng ngoài trời trong thời gian dài.
Allows long-term outdoor use.
- Độ bền và khả năng chống chịu.
High durability and resistance capabilities.
- Tăng cường độ cứng, ngăn chặn sự trầy xước và bong tróc sau va đập.
Reinforces firmness, preventing scratching and peeling after impact.
- Vẻ ngoại hình thẩm mỹ và bề mặt đều đặn
Aesthetic appearance and uniform surface.

TIÊU CHUẨN MÁC THÉP CHI TIẾT STANDARD STEEL DETAILS

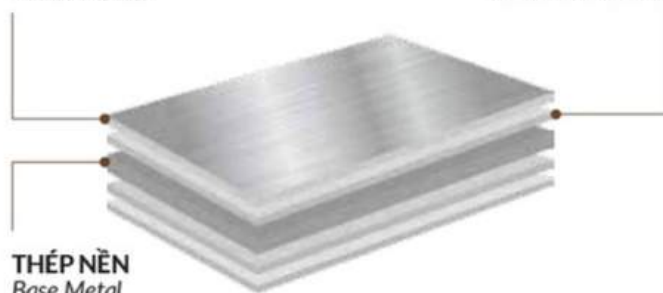
Mác thép Steel Grade	YS [N/mm ²] [Min]	TS [N/mm ²] [Min]	E [%] [Min]
NHẬT BẢN JAPAN - JIS G3302			
SGCC	-	-	-
SGCD1	-	270	34+38
SGC 340	245	340	20
SGC 400	295	400	18
SGC 440	335	440	18
SGC 570	560	570	-
CHÂU MỸ AMERICA - ASTM A653			
CS TYPE A	170/380		20
CS TYPE B	205/380		20
SS 33 (230)	230	310	20
SS 37 (255)	255	360	18
SS 40 [275]	275	380	16
SS 50 (340)-CLASS 1	340	450	12
SS 50 (340)-CLASS 2	340	-	12
SS 60 [410]	410	480	10 ^a
SS 70 (480)	480	550	9 ^a
SS 80 [550]-CLASS 1	550	570	-

MẶT CẮT MÔ TẢ LỚP MẠ

The section describes the coating.

CHROMATE

KẼM /ZINC 99%



THÉP NỀN
Base Metal

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM (Product Specification):

Độ Dày Tôn Nền <i>Based Metal Thickness</i>	0.25mm-3.75mm
Khổ Rộng <i>Width</i>	860mm-1250mm
Khối Lượng Lớp Mạ <i>Coating Mass</i>	80-600g/m ² /2 mặt
Xử Lý Bề Mặt <i>Surface Processing</i>	Skin Pass/Non-Skin pass
Độ Uốn <i>T-Bend</i>	0T-2T
Độ Bền Keo <i>Tensile Strength</i>	Min 270 MPA

TÔN MẠ HỘP KIM NHÔM-KẼM

ALLUMINI-ZINC ALOY (GALVALUME) STEEL

GL AZ70-AZ200

Tiêu chuẩn chất lượng: JIS và ASTM

Quality standards: JIS and ASTM

Ngoài thông số kỹ thuật thương mại tiêu chuẩn, Thép Việt Thành còn sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng của khách hàng.

In addition to standard commercial specifications, Viet Thanh Steel also produces products according to customer orders.

Tôn Mạ Hộp Kim Nhôm-Kẽm, được sản xuất trên dây chuyền công nghệ NOF hiện đại, không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn JIS G3321 (Nhật Bản) và ASTM A792 (Mỹ). Với việc sử dụng hợp kim bao gồm 55% Nhôm, 43.5% Kẽm và 1.5% Silic, tạo thành một lớp phủ mạ mịn màng và bền bỉ, tôn Mạ Hộp Kim Nhôm-Kẽm không chỉ có bề mặt bóng đẹp và màu ánh bạc, mà còn có khả năng chống ăn mòn vượt trội và kháng nhiệt hiệu quả, làm cho tôn này trở thành một lựa chọn ưu việt cho nhiều ứng dụng trong ngành xây dựng và công nghiệp.

Galvalume Steel (Alumini-Zinc Alloy) is produced utilizing advanced NOF technology lines, ensuring minimal environmental impact throughout the manufacturing process and compliant with both JIS G3321 (Japan) and ASTM A792 (USA) standards. Comprising an alloy composition of 55% Aluminum, 43.5% Zinc, and 1.5% Silicon, this steel forms a resilient and flawlessly coated surface, boasting not only an aesthetically pleasing silver appearance but also unparalleled corrosion resistance and efficient thermal insulation properties, thereby establishing it as a premier choice across various applications within the construction and industrial sectors.

ƯU ĐIỂM | ADVANTAGES

- Lớp phủ kết hợp giữa nhôm và kẽm cung cấp tuổi thọ cao hơn gấp 4 lần so với tôn kẽm thông thường, đồng thời giảm bong tróc và trầy xước trong quá trình sử dụng.

The amalgamation of aluminum and zinc coating affords a high longevity, mitigating issues such as peeling and scratching during utilization.

- Có khả năng chống gỉ và oxy hóa và đồng thời không đòi hỏi việc sơn bảo vệ.

Resistant to rust and oxidation while not requiring protective coating.

- Khả năng linh hoạt trong thiết kế cho phép tôn được cắt và uốn theo nhiều hình dạng và kích thước khác nhau, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thi công và công trình xây dựng đòi hỏi tính thẩm mỹ cao.

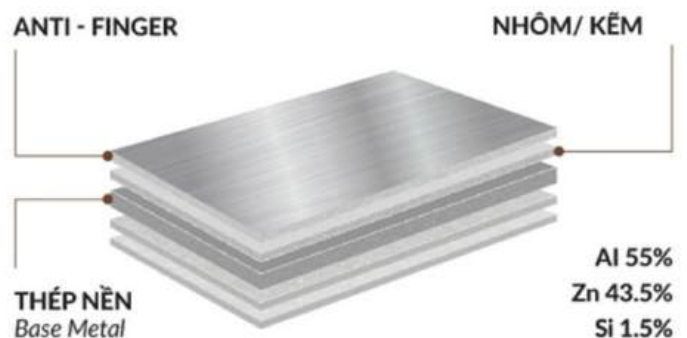
Its flexibility in design allows for customization, enabling the steel to be shaped and tailored to diverse specifications, thereby creating favorable conditions during the construction.

TIÊU CHUẨN MÁC THÉP CHI TIẾT STANDARD STEEL DETAILS

Mác thép Steel Grade	YS [N/mm ²] [Min]	TS [N/mm ²] [Min]	E [%] [Min]
NHẬT BẢN JAPAN - JIS G3321			
SGCC	205	270	20÷25
SGCD1	-	270	27÷33
SGC 340	295	400	16÷18
SGC 400	335	440	14÷18
SGC 440	365	490	12÷16
SGC 570	560	570	-
CHÂU MỸ AMERICA - ASTM A792			
CS TYPE A	205 - 410		20
CS TYPE B	245 - 410		20
SS 33 (230)	230	310	20
SS 37 (255)	255	360	18
SS 40 [275]	275	380	16
SS 50 (340)-CLASS 1	340	450	12
SS 50 (340)-CLASS 2	340	-	12
SS 60 [410]	410	480	10 ^B
SS 70 (480)	480	550	9 ^B
SS 80 [550]-CLASS 1	550	570	-

MẶT CẮT MÔ TẢ LỚP MẠ

The section describes the coating.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM (Product Specification):

Độ Dày Tôn Nền Based Metal Thickness	0.18mm-2.00mm
Khổ Rộng Width	860mm-1250mm
Khối Lượng Lớp Mạ Coating Mass	50-200g/m ² /2 mặt
Xử Lý Bề Mặt Surface Processing	Skin Pass/Non-Skin pass
Độ Uốn T-Bend	0T-2T
Độ Bền Keo Tensile Strength	Min 270 MPA



HÀNG XUẤT KHẨU

EXPORTS

Bao bì của chúng tôi được đóng gói cẩn thận thông qua quy trình kiểm duyệt nghiêm ngặt nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm xuyên suốt quá trình giao hàng đến mọi điểm đến trên toàn cầu. Với hơn 20 năm kinh nghiệm hợp tác cùng doanh nghiệp tại Đông Nam Á, chúng tôi cam kết về sự xuất sắc trong việc đóng gói các sản phẩm xuất khẩu nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn cao từ phía khách hàng.

Our packaging is subjected to a rigorous quality control procedure to assure the highest product quality throughout delivery to every destination globally. Having accumulated more than two decades of expertise working closely with companies in Southeast Asia, we are committed to delivering exceptional packaging solutions for exported goods that fulfill the rigorous requirements established by our clients.



CERTIFICATE DOCUMENT



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ TRANH LONG AN
 CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ TRANH LONG AN
 86 TRẦN VĂN LƯƠNG
 LÃNH ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ TRANH LONG AN

CÔNG NGHỆ VÀ MẠCH NGUYỄN VIỆT NAM
 Ông Nam - Ủy viên - thành viên

• Cho cơ hội tiếp xúc và quy chuẩn kỹ thuật.

• Cho cơ hội tiếp xúc và quy chuẩn kỹ thuật.

• Cho cơ hội tiếp xúc và quy chuẩn kỹ thuật.

• Cho cơ hội tiếp xúc và quy chuẩn kỹ thuật.

CÔNG BỐ

Điều 1. Ông Nam tiếp xúc và quy chuẩn kỹ thuật.

Ông Nam tiếp xúc và quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 2. Ông Nam tiếp xúc và quy chuẩn kỹ thuật.

Ông Nam tiếp xúc và quy chuẩn kỹ thuật.

Ông Nam tiếp xúc và quy chuẩn kỹ thuật.



HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

DISTRIBUTION SYSTEM

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SX TM THÉP VIỆT THÀNH.

Địa chỉ: C4/28 QL 1A, Thị Trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh, TP.HCM.

Điện thoại: 0283.7605.660 - Di động: 0903.331.805

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SX TM THÉP VIỆT THÀNH

Địa chỉ: D7/15 Khu Phố 4, Thị Trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh, TP.HCM.

Điện thoại: 0283.7594.182 - Di động: 0903.334.305

HỆ THỐNG CÔNG TY

COMPANY'S SYSTEM

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÁT

Địa chỉ: Ấp 1, Xã Mỹ Yên, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Điện thoại: 02723.638.774 - Di động: 0903.331.745

TRỤ SỞ CHÍNH: CÔNG TY CP THÉP VIỆT THÀNH

Địa chỉ: 623-625 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5.

Điện thoại: 0283.8548.273 - Di động: 0903.881.255

NHÀ MÁY SẢN XUẤT

Địa chỉ: Km 1930, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Điện thoại: 0283.8548.273- Di động: 090.388.1255







THÉP VIỆT THÀNH

📍 Km 1930, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

☎ 090 388 1255 - 090 366 0331 - 090 388 6276

📠 (0282) 38548272

✉ Thepvietthanhvp2@gmail.com

🌐 thepvietthanh.vn